TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thảo;

2. Ông Lê Quang Xẹt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 109/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1990; nơi thường trú: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: tổ 4, khu phố 1, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1985; nơi thường trú: khu phố 5, thị trấn B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: khu phố 1, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Minh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B,

huyện T, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 158 quyển số 01/2013 ngày 14/11/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do ông T sống thiếu trách nhiệm, không quan tâm đến gia đình và vợ con. Ngoài ra, ông T con tham gia chơi cờ bạc, không phụ giúp việc gia đình và cũng không chia sẽ vấn đề tài chính chi tiêu trong gia đình, chi phí học của con cùng bà N. Từ đó, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống chung ngày càng căng thẳng. Bà N nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Những vấn đề cụ thể bà N yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung Nguyễn Ngọc Quỳnh N1, sinh ngày 21/7/2014. Khi ly hôn bà N yêu cầu được quyền nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng ông T vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

Cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh N1 có bản tự khai trình bày ý kiến muốn sống chung với mẹ.

Kết quả xác minh tại UBND phường H: địa phương không biết nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Minh T vì không nhận được tin báo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Minh T kết hôn có đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Nguyên nhân bà N yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nên bà N yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ. Về con chung: Cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh N1 có nguyện vọng sống chung với bà N và hiện cháu đang sống chung với bà N. Về cấp dưỡng nuôi con bà N không yêu; về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh T và yêu cầu giải quyết về quyền nuôi con sau khi ly hôn nên đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Minh T có địa chỉ tại thị xã U, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Minh T là những người đủ điều kiện kết hôn; ông bà tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà N yêu cầu ly hôn với ông T do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng không thể đoàn tụ sống chung nên bà N yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh N1, sinh ngày 21/7/2014, hiện đang sống chung với bà N và cháu N1 muốn sống chung với mẹ. Do đó, bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với ông Nguyễn Minh T như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh N1, sinh ngày 21/7/2014 cho bà Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Minh T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005978 ngày 17/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm